

【神奈川県】主な野菜の作付面積と収穫量

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
指 定 野 菜	キャベツ	1,450	67,700	63,800	99	100	99
	春キャベツ	890	43,300	41,200	100	101	100
	夏秋キャベツ	64	2,010	1,930	97	103	103
	冬キャベツ	496	22,400	20,700	99	100	98
	きゅうり	251	10,400	9,870	99	96	96
	冬春きゅうり	83	5,780	5,550	99	98	96
	夏秋きゅうり	168	4,650	4,320	99	96	96
	さといも	391	5,040	3,680	100	97	101
	秋冬さといも	391	5,040	3,680	100	97	101
	その他さといも	-	-	-	nc	nc	nc
	だいこん	1,060	75,400	68,800	99	102	101
	春だいこん	93	4,200	4,040	96	99	99
	夏だいこん	6	140	118	nc	nc	nc
	秋冬だいこん	960	71,100	64,600	100	102	102
	たまねぎ	186	4,760	4,150	nc	nc	nc
	トマト	244	12,100	11,700	98	97	97
	ミニトマト	3	94	92	100	95	95
	加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
	冬春トマト	94	7,630	7,450	99	96	96
	冬春ミニトマト	2	53	52	100	95	95
	夏秋トマト	150	4,430	4,220	98	97	97
	夏秋ミニトマト	1	41	40	100	95	95
	夏秋加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
	なす	153	3,640	3,270	101	101	101
	冬春なす	x	x	x	nc	nc	nc
	夏秋なす	x	x	x	x	x	x
	にんじん	131	2,740	2,270	nc	nc	nc
	春夏にんじん	30	579	492	nc	nc	nc
	秋にんじん	11	144	114	nc	nc	nc
	冬にんじん	90	2,020	1,660	nc	nc	nc
	ねぎ	398	7,900	6,940	99	96	96
	春ねぎ	15	360	336	nc	nc	nc
	夏ねぎ	34	490	460	nc	nc	nc
	秋冬ねぎ	349	7,050	6,140	99	97	96
	はくさい	152	4,760	3,470	nc	nc	nc
	春はくさい	2	50	43	nc	nc	nc
	夏はくさい	-	-	-	nc	nc	nc
	秋冬はくさい	150	4,710	3,430	nc	nc	nc
	ばれいしょ	384	6,590	4,000	nc	nc	nc
	春ばれいしょ	348	6,120	3,740	nc	nc	nc
秋ばれいしょ	36	472	255	nc	nc	nc	
ピーマン(しとう舎)	28	374	332	nc	nc	nc	
冬春ピーマン	x	x	x	nc	nc	nc	
夏秋ピーマン	x	x	x	nc	nc	nc	
ほうれんそう	659	7,710	7,020	100	98	96	
レタス(サラダ菜舎)	117	2,800	2,600	97	92	92	
サラダ菜	2	23	22	200	110	105	
春レタス(サラダ菜舎)	77	1,960	1,850	100	96	95	
春サラダ菜	1	13	13	100	81	81	
夏秋レタス(サラダ菜舎)	13	246	226	nc	nc	nc	
夏秋サラダ菜	-	-	-	nc	nc	nc	
冬レタス(サラダ菜舎)	27	589	525	nc	nc	nc	
冬サラダ菜	1	10	9	nc	nc	nc	

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
特 定 野 菜	アスパラガス	2	23	21	nc	nc	nc
	いちご	50	1,140	1,010	nc	nc	nc
	えだまめ	332	2,970	2,570	99	96	98
	かぶ	96	2,110	1,970	97	92	91
	かぼちゃ	221	3,820	3,210	100	96	95
	カリフラワー	39	671	629	100	105	105
	かんしょ	…	…		nc	nc	
	グリーンピース	-	-	-	nc	nc	nc
	ごぼう	37	474	355	nc	nc	nc
	こまつな	400	6,600	6,320	100	98	98
	さやいんげん	81	509	359	98	96	96
	さやえんどう	20	90	59	nc	nc	nc
	ししとう	2	17	16	nc	nc	nc
	冬春ししとう	-	-	-	nc	nc	nc
	夏秋ししとう	2	17	16	nc	nc	nc
	しゅんぎく	15	218	185	nc	nc	nc
	しょうが	34	371	289	nc	nc	nc
	スイートコーン	320	3,460	2,420	nc	nc	nc
	ずいか	282	9,360	8,850	101	103	103
	セルリー	1	57	53	nc	nc	nc
	そらまめ	21	162	105	nc	nc	nc
	ちんげんさい	3	32	23	nc	nc	nc
	にら	4	62	57	nc	nc	nc
	にんにく	5	34	29	nc	nc	nc
	ふき	4	30	26	nc	nc	nc
	ブロッコリー	109	1,350	1,220	98	96	96
	みずな	6	77	70	nc	nc	nc
みつば	0	3	3	nc	nc	nc	
メロン	60	1,140	1,050	nc	nc	nc	
温室メロン	x	x	x	nc	nc	nc	
やまのいも	29	365	317	nc	nc	nc	
ながいも	1	11	6	nc	nc	nc	
れんこん	-	-	-	nc	nc	nc	

資料：農林水産省「令和4年産野菜生産出荷統計」及び「令和4年産作物統計」

注：表中に用いた記号「0」：単位に満たないもの(例：0.4ha→0ha)、「-」：事実のないもの、「…」：事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」：計算不能